TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HỒNG BÀNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2024/HS-ST
Ngày 13-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Quỳnh Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn;

Bà Phạm Thị Kim Thu.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Quang Khiêm - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 141/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Vũ Hữu L, sinh ngày 22 tháng 02 năm 1981 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số A L, tổ A (nay là tổ G mới) phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hữu L1 (đã chết) và bà Phạm Thị P, bị cáo có vợ là Bùi Thị H và có 03 con; tiền án: Không,

Tiền sự: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 15/QĐ-TA ngày 06/9/2021 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng buộc Vũ Hữu L đi cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng (từ ngày 12/01/2022 đến 12/01/2023) - chưa được xóa;

Nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 68/HS-ST ngày 25/11/1999 của Tòa nhân dân quận K xử phạt bị cáo 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cướp tài sản của công dân (đã được xóa án tích);

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 33/QĐ-XPHC ngày 31/7/2019 Công an quận N, thành phố Hải Phòng xử phạt Vũ Hữu L về hành vi Trộm cắp cáp viễn thông tại cây cột điện, đã nộp phạt ngày 02/8/2019 – đã xóa

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/4/2024, chuyển tạm giam từ ngày 17/4/2024; có mặt.

2. Nông Văn T, sinh ngày 18 tháng 3 năm 1993 tại Hà Giang. Nơi ĐKNKTT: thôn B, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi ở hiện nay: Không rõ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn C và bà Nông Thị K (đều đã chết), bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không,

Tiền sự: Quyết định xử phạt hành chính số 36/QĐ-XPHC ngày 07/02/2022 của Công an phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nông Văn T 2.000.000 đồng về hành vi Tàng trữ pháo nổ, nộp phạt ngày 23/11/2023 – chưa được xóa

Nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/4/2024, chuyển tạm giam từ ngày 17/4/2024; có mặt.

3. Bùi Duy P1, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1991 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn S, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T1 và bà Cao Thị Thu H1, có vợ là Phan Thị Xuân Ý và 04 con; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Bản án số 09/2012/HSST ngày 16/01/2012, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo P1 08 tháng tù về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" – đã được xóa án tích.

- Bản án số 132/2012/HSST ngày 26/10/2012, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo P1 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản – đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/4/2024, chuyển tạm giam từ ngày 17/4/2024; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T: Ông Bùi Văn B – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H; có mặt.

- *Người chứng kiến:* Ông Lê Bá T2; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 50 phút ngày 09/4/2024, tổ công tác thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy số 1 - Bộ tư lệnh Cảnh sát biển phối hợp với Công an phường M làm nhiệm vụ tại khu vực trước số 06 B, M, Hồ N phát hiện Nông Văn T và Bùi

Duy P1 có biểu hiện nghi vấn ma túy. Tiến hành kiểm tra, tổ công tác thu giữ của Nông Văn T: 03 gói giấy màu trắng bên trong đều chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy (mẫu QT01), 01 điện thoại di động Nokia đã qua sử dụng, thu giữ tại túi quần bên phải phía trước Bùi Duy P1: 01 gói giấy màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy (mẫu QT02), 01 xe mô tô Sirius biển kiểm soát 34D1-009.76 đã qua sử dụng. Tổ công tác đã đưa T, P1 cùng vật chứng về trụ sở Công an phường M lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Duy P1 không phát hiện thu giữ đồ vật gì có liên quan.

Xét nghiệm nhanh nước tiểu của Nông Văn T, Bùi Duy P1 cho kết quả dương tính với MOP.

Tại Cơ quan điều tra, Nông Văn T và Bùi Duy P1 khai nhận: do cùng là bạn nghiện nên khoảng 12 giờ ngày 09/4/2024 P1 gọi điện hẹn qua đón T để cùng nhau đi mua ma túy về tự sử dụng cho bản thân. Khoảng 15 phút sau P1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 34D1-009.76 đến đón T. Trên đường đi, P1 đưa cho T 200.000 đồng, sau đó T liên lạc với Vũ Hữu L hỏi mua 800.000 đồng tiền ma túy thì được L đồng ý, hẹn địa điểm giao dịch tại khu vực trạm điện gần chợ L2, K, Hải Phòng. Tại điểm hẹn, khi P1 và T đều đang ngồi trên xe mô tô để chờ thì L một mình điều khiển xe mô tô đi tới. Luyên đưa cho T 01 túi nilon bên trong có 04 gói giấy màu trắng chứa ma túy rồi T đưa lại cho L 800.000 đồng. Nhận ma túy xong thì P1 điều khiển xe chở T đi tìm nơi sử dụng. Trên đường đi T lấy ra 01 gói ma túy đưa cho P1, 03 gói ma túy còn lại Thổ cất giấu tại túi áo bên phải phía trước đang mặc. Khi cả 02 đi đến khu vực trước số F B, Minh K1, Hồ N thì bị bắt quả tang như nội dung nêu trên.

Ngoài ra, T và P1 còn khai: khi bị bắt quả tang, kiểm tra nước tiểu của T, P1 đều cho kết quả dương tính với ma túy là do trước đó vào ngày 05/4/2024 thì P1 gọi điện rủ T mỗi người góp 200.000 đồng đi mua ma túy. Thổ liên lạc với L hỏi mua 400.000 đồng tiền ma túy thì được L hẹn đến khu vực trạm điện gần chợ L2, K để giao dịch. Tại địa điểm trên, T, P1 ngồi trên xe đợi thì L đi đến đưa cho T 02 gói giấy bên trong chứa ma túy, T trả cho L 400.000 đồng. Sau đó T, P1 mỗi người tự tìm địa điểm để sử dụng ma túy. Trước khi mua ma túy, T đều phải liên lạc trước với L qua điện thoại. Địa điểm giao dịch mua bán ma túy giữa L với T, P1 đều diễn ra tại khu vực trạm điện gần chợ L2, K. Tiền mua ma túy là do T, P1 lao động mà có.

Tiến hành cho nhận dạng, T và P1 đều nhận dạng được Vũ Hữu L. Ngày 10/4/2024 Cơ quan điều tra đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với L.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Hữu L thu giữ trong ngăn kéo tủ quần áo tầng 2 của Vũ Hữu L: 01 cân điện tử đựng trong túi da màu đen, 01 mảnh kính hình

vuông, 01 mảnh giấy nilon và 01 dao lam kim loại đều bám dính tạp chất màu trắng nghi là ma túy (mẫu KX01), chất bột dạng cục màu trắng nghi là ma túy (mẫu KX02), các mảnh nilon kích thước (6x6)cm chưa qua sử dụng đựng trong túi nilon mép dán màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen đã qua sử dụng.

Tại bản Kết luận giám định số 436/KL-KTHS ngày 09/4/2024 của Phòng K2 Công an thành phố H kết luận: *chất bột màu trắng của mẫu QT01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,38 gam, loại: Heroine. Chất bột màu trắng của mẫu QT02 gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,07 gam, loại: Heroine.*

Tại bản Kết luận giám định số 448/KL-KTHS ngày 15/4/2024 của Phòng K2 Công an thành phố H kết luận: *chất màu trắng bám dính 01 mảnh kính hình vuông, 01 mảnh giấy nilon và 01 dao lam kim loại của mẫu KX01 gửi giám định là ma túy, loại: Heroine, không đủ điều kiện cân xác định khối lượng chất ma túy bám dính trên. Chất bột màu trắng của mẫu KX02 gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,23 gam, loại: Heroine.*

Tại Cơ quan điều tra, ban đầu Vũ Hữu L khai: do bản thân không có việc làm và nghiện ma túy nên L nảy sinh ý định mua ma túy về bán lại kiếm lời. Sáng 09/4/2024 L một mình đến khu vực đường tàu Trần Nguyên H2, Lê C1 hỏi mua của một người phụ nữ không quen biết 1.000.000 đồng được 05 gói ma túy. L đem ma túy về nhà rồi lấy dao lam chia nhỏ số ma túy trên thành 07 phần bằng nhau rồi gói lại bằng giấy, bọc nilon bên ngoài. Khi L đang gói ma túy thì T gọi điện hỏi mua 800.000 đồng tiền ma túy Heroine. L đồng ý và hẹn giao ma túy tại khu vực trạm điện gần chợ L2. Sau đó L cầm 04 gói ma túy đi giao còn lại 03 gói ma túy cất vào ngăn kéo tủ với mục đích sử dụng cho bản thân. Tại điểm hẹn, L gặp T ngồi sau xe của P1, L đưa cho T 04 gói ma túy rồi nhận lại từ Thổ 800.000 đồng. Sau khi thực hiện mua bán ma túy với T, P1 xong thì L về nhà lấy ma túy trong ngăn kéo tủ ra để sử dụng. Số lượng ma túy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H thu giữ trong ngăn kéo tủ là của L cất giấu để sử dụng cho bản thân. Sau đó L thay đổi lời khai, chỉ thừa nhận ngày 09/4/2024 bán ma túy cho một mình T, không bán ma túy cho P1 vì L không quen biết P1. Việc giao ma túy, nhận tiền L chỉ thực hiện với T. Đồng thời L không thừa nhận việc bán ma túy cho T, P1 nhiều lần. Luyên khẳng định ngày 09/4/2024 là lần đầu tiên bán ma túy cho T.

Tại Cáo trạng số 113/CT-VKSHB, ngày 03-10-2024, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Vũ Hữu L về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b,c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nông Văn T và Bùi Duy P1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Nông Văn T và Bùi Duy P1 nhận tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội

quả tang, Biên bản khám xét, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định và nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng.

Bị cáo Vũ Hữu L chỉ thừa nhận về hành vi bán trái phép chất ma túy ngày 09/4/2024 cho bị cáo Nông Văn T, không bán cho Bùi Duy P1, không thừa nhận bán ma túy cho Thổ ngày 05/4/2024. Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mà Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng truy tố đối với bị cáo thì bị cáo không thừa nhận nhưng cũng không phản đối. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T: Không tranh luận về tội danh và điều luật truy tố đối với bị cáo. Người bào chữa cho bị cáo phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi bị bắt ngày 09/4/2024 thì bị cáo khai ra hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Hữu L, tích cực hợp tác với cơ quan công an trong việc phát hiện tội phạm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm t, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, tại phiên tòa bị cáo xin miễn án phí hình sự vì là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bị cáo, đồng thời đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Vũ Hữu L từ 09 năm tù đến 10 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cả hai tội từ 11 năm tù đến 12 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ. Phạt tiền bị cáo 5.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nông Văn T và Bùi Duy P1, xử phạt:

Bị cáo Nông Văn T từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ.

Bị cáo Bùi Duy P1 từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Bùi Duy P1 và Nông Văn T.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy: 04 (bốn) bì giấy dán kín trong có toàn bộ mẫu vật ma túy và vỏ bao bì còn lại sau giám định; 01 cân điện tử đựng trong túi da màu đen; các mảnh nilon chưa qua sử dụng đựng trong túi nilon mép dán màu trắng.

+ Tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước: 02 bì thư dán kín có dấu niêm phong của Phòng K2 Công an thành phố H bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng của Nông Văn T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng của bị cáo Vũ Hữu L.

Buộc bị cáo Vũ Hữu L phải nộp lại số tiền 1.200.000 đồng là tiền thu lợi từ việc bán trái phép chất ma túy ngày 05/4/2024 và ngày 09/4/2024 để sung ngân sách nhà nước.

Bị cáo Bùi Duy P1 và Vũ Hữu L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nông Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn T và Bùi Duy P1 không có quan điểm tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát, phần lời nói sau cùng, bị cáo T và P1 xin giảm nhẹ hình phạt. Đối với bị cáo Vũ Hữu L vẫn giữ nguyên quan điểm về việc bị cáo phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy nhưng không bán nhiều lần và bán cho nhiều người như Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng truy tố bị cáo. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy bị cáo không thừa nhận nhưng cũng không phản đối. Về hình phạt viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là có phần nặng, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người chứng kiến vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét người chứng kiến đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng

hình sự, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt người chứng kiến.

- *Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt:*

[3] Đối với tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" của bị cáo Vũ Hữu L:

[3.1] Tại phiên toà, bị cáo chỉ thừa nhận về hành vi bán trái phép chất ma túy ngày 09/4/2024 cho bị cáo Nông Văn T, không bán ma túy cho Bùi Duy P1 vì bị cáo cho rằng bị cáo T gọi điện cho bị cáo mua ma túy và khi đến khu vực gần trạm điện chợ L2, K để giao ma túy cho T thì bị cáo đứng cách chỗ T và P1 một đoạn, sau đó T đi ra đưa tiền cho bị cáo và bị cáo đưa ma túy cho T, do đó bị cáo không phạm tội đối với hai người; ngoài ra bị cáo trình bày, khoảng ngày 03/4/2024 hoặc 04/4/2024 (không nhớ chính xác) bị cáo T có gọi điện cho bị cáo và cùng P1 có đến tìm bị cáo tại khu vực trạm điện chợ L2, K để nhờ bị cáo mua ma túy giúp với số tiền 400.000 đồng, bị cáo đã nhận số tiền trên từ Thổ nhưng do chưa mua được ma túy nên bị cáo không bán. Sau đó, các ngày sau, trong đó có ngày 05/4/2024 bị cáo T vẫn gọi cho bị cáo để đòi tiền nhưng bị cáo chưa trả. Ngày 09/4/2024 bị cáo nhận tiền 800.000 đồng từ T để bán ma túy cho T nhưng lúc đó T đưa tiền thì bị cáo nhận đủ 800.000 đồng, chứ chưa hoàn lại số tiền 400.000 đồng đã nhận từ T. Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mà Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng truy tố đối với bị cáo thì bị cáo không thừa nhận nhưng cũng không phản đối, tuy nhiên, bị cáo chỉ thắc mắc lượng ma túy khi Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo và niêm phong thì bị cáo không được chứng kiến. Việc khám xét có sự chứng kiến của Công an quận H, Công an phường L, Tổ trưởng tổ dân phố và vợ bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

[3.2] Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của bị cáo Nông Văn T, Bùi Duy P1 trong hồ sụ án, tại phiên tòa và lời khai của bị cáo Vũ Hữu L trong hồ sơ vụ án, cụ thể như sau:

[3.2.1] Lời khai của bị cáo Vũ Hữu L tại bút lục số 238 biên bản ghi lời khai ngày 10/4/2024, L khai: *"...Việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với tôi là hoàn toàn đúng, tôi không có ý kiến gì vì tôi đã có hành vi mua bán trái phép chất ma tuý cho **Nông Văn T và Bùi Duy P1** ngày 09/4/2024 tại gần nhà mình là đúng...".*

[3.2.2] Bút lục số 239, biên bản ghi lời khai ngày 10/4/2024, L khai: *"...Tôi cầm 04 gói ma tuý ra đầu ngõ gặp được cả T và P1 đang đứng đợi tôi..tôi biết T và P1 gần tháng nay và xin số điện thoại của nhau vì đều mắc nghiện ma tuý, thỉnh thoảng gọi điện mua ma tuý, bán ma tuý cho **T và P1** để lấy tiền và **ma tuý sử dụng cho bản thân**.."*

[3.2.3] Bút lục số 240-241, Biên bản ghi lời khai ngày 15/4/2024, L khai: *"Tôi gặp T ngồi sau xe của P1 đang chờ, tôi cầm theo 01túi nilon bên trong có 04 gói*

*giấy đều chứa ma tuý đưa cho T và nhận của T 800.000 đồng, còn lại 03 gói giấy ma tuý thì tôi tự sử dụng cho bản thân còn thừa lại một ít..". "...**tôi đã bán ma tuý cho T và P1 một vài lần** nhưng cụ thể ngày, giờ nào thì tôi không nhớ, các lần tôi bán ma tuý cho T thì đều có P1 chở T đi cùng nhau và **đều hẹn giao dịch ở gần trạm điện trong chợ L2, K, Hải Phòng"**. "...Số ma tuý tôi bán cho T và P1 thì tôi được hưởng lợi tiền và số ma tuý sử dụng cho bản thân..ngày 09/4/2024 tôi mới chỉ bán được cho T và P1 04 gói ma tuý với giá 800.000 đồng, còn lại 03 gói thì tôi sử dụng cho bản thân"*. Cũng tại biên bản ghi lời khai này, L khai: *"Khi tôi cầm 04 gói giấy bên trong đều chứa ma tuý **bán cho T và P1** thì tôi đưa ma tuý, đồng thời nhận tiền từ T. Lúc này T đang ngồi sau xe máy, còn P1 ngồi điều khiển. Giữa tôi và T, P1 không có mâu thuẫn hay thù oán gì. Số tiền bán ma tuý cho T và P1 ngày 09/4/2024 thì tôi sử dụng vào mục đích cá nhân ăn uống và mua đồ dùng gia đình..."*.

[3.2.4] Bút lục số 246, Biên bản ghi lời khai của bị cáo ngày 06/8/2024, L khai: "..***số ma tuý còn lại tại ngăn kéo là số ma túy mua cùng với số ma túy mua cho T... còn lại 3 phần bị cáo không gói lại mà tự sử dụng một ít và còn lại một ít trong ngăn kéo bị cơ quan công an khám xét thu giữ như trên".*** Ngoài ra, tại bút lục số 249-250, biên bản ghi lời khai **c**ủa bị cáo ngày 21/8/2024, bị cáo L cũng khai số ma túy còn lại để trong ngăn kéo tủ quần áo tại tầng 2.

[3.2.5] Bút lục số 249 - 250, biên bản ghi lời khai ngày 21/8/2024, L khai: *"Việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận H khởi tố tôi về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" và "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" là đúng người, đúng tội, tôi không có ý kiến gì..". Tôi nhận thức hành vi "Mua bán trái phép chất ma tuý" và "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" của mình là sai, vi phạm pháp luật"*.

[3.2.6] Tại các bản tự khai của bị cáo L ngày 10/4/2024, ngày 15/4/2024; 05/7/2024, ngày 06/8/2024 và ngày 21/8/2024 (Bút lục số 252-256) bị cáo L đều tự viết với nội dung số ma tuý còn lại bị cáo sử dụng cho bản thân.

[3.3] Lời khai của Nông Văn T và Bùi Duy P1 đều thống nhất, phù hợp với nhau và thể hiện như sau:

[3.3.1] Ngày 09/4/2024, sau khi được P1 gọi điện thoại và đến đón T đi mua ma tuý, trên đường đi T gọi điện cho L hỏi mua 800.000 đồng ma tuý heroin, L hẹn tại gần trạm điện chợ L2, K, trên đường đi P1 đưa cho T 200.000 đồng, T bỏ ra số tiền 600.000 đồng để cùng nhau mua ma túy. T và P1 đến nơi hẹn đợi một lúc thì L đi một mình ra đưa cho T ma tuý và nhận tiền từ T, lúc này P1 và T đều ngồi trên xe máy do P1 điều khiển, T ngồi sau xe. Sau khi nhận được ma tuý thì T đưa cho P1 01 gói, Thổ 3 gói để tự đi tìm nơi sử dụng thì bị cơ quan công an bắt giữ.

[3.3.2] Ngoài ra, P1 và T còn khai ngoài mua ma tuý của Luyên ngày 09/4/2024 thì T và P1 còn mua ma tuý của Luyên một vài lần nữa nhưng không nhớ chính xác, chỉ nhớ ngày gần nhất là ngày 05/4/2024, P1 và T đã mua của L 400.000

đồng ma tuý heroine, T cũng gọi điện cho L và hẹn tại khu vực gần trạm điện chợ L2, K. P1 cũng là người chở T, T cũng giao tiền cho L, mua xong T và P1 chia nhau mỗi người một gói để tự tìm chỗ sử dụng.

[3.4.3] Tại bút lục số 180-182, biên bản ghi lời khai của T khai, trước khi bị bắt thì T đã từng nói với L về việc T và P1 đều nghiện ma tuý, L biết mỗi lần bán ma tuý là bán cho T và P1.

[3.4.4] Trích xuất điện thoại và báo cáo chi tiết lịch sử liên lạc điện thoại và SMS của thuê bao đều thể hiện phù hợp với lời khai của T, L về việc T gọi cho L và phù hợp với vị trí phát sóng tại vị trí: Bùi Xuân T3, C, Quán trữ, K trong hai ngày 05/4/2024 và ngày 09/4/2024. (Bút lục số 281-282).

[3.4.5] Các bị cáo Vũ Hữu L, Nông Văn T và Bùi Duy P1 đều khai nhận tại phiên tòa về việc trong quá trình cơ quan điều tra lấy lời khai của các bị cáo thì đều không bị mớm cung, ép cung và đánh đập. Sau khi bị cáo L được Hội đồng xét xử công bố các lời khai trên thì cho rằng bị cáo chủ quan, không đọc lại lời khai và chỉ ký vào biên bản ghi lời khai, tất cả các bản tự khai, bản tường trình của bị cáo là đều do bị cáo tự tay viết.

[4] Như vậy, đủ cơ sở khẳng định: Trong các ngày 05/4/2024 và ngày 09/4/2024, tại khu vực trạm điện gần chợ L2, quận K, thành phố Hải Phòng, Vũ Hữu L đã có hành vi bán trái phép chất ma tuý cho Nông Văn T và Bùi Duy P1. Cụ thể: Ngày 05/4/2024, L bán cho T và P1 02 gói ma tuý, loại heroine với giá 400.000 đồng; ngày 09/4/2024, L có hành vi bán trái phép cho Nông Văn T và Bùi Duy P1 04 gói ma tuý, loại heroine với giá 800.000 đồng. Ngoài ra, Vũ Hữu L còn có hành vi cất giấu 0,23 gam ma tuý, loại heroine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi trên của bị cáo đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" quy định tại điểm b "Phạm tội 02 lần trở lên" và điểm c "Đối với 02 người trở lên" theo quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Đối với tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" của bị cáo Nông Văn T và Bùi Duy P1: Ngày 09/4/2024 tại khu vực trước cửa số F B, phường M, quận H, thành phố Hải Phòng, Nông Văn T và Bùi Duy P1 đã có hành vi cùng nhau cất giấu trái phép 0,45gam ma tuý, loại heroine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân thì bị Cơ quan công an phát hiện, bắt quả tang. Hành vi trên của bị cáo Nông Văn T và Bùi Duy P1 đã đồng phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[6] Tính chất vụ án là nghiêm trọng đối với tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và rất nghiêm trọng đối với tội Mua bán trái phép chất ma tuy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chế độ quản lý của

Nhà nước về các chất ma túy, vi phạm Luật Phòng, chống ma túy, mà còn là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác gây mất trật tự an toàn xã hội. Đây là tệ nạn xã hội gây tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân nên phải xem xét, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

- Về vai trò:

[7] Đối với tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" và "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" của bị cáo Vũ Hữu L: Bị cáo L phạm tội độc lập nên không đánh giá vai trò của bị cáo trong vụ án này.

[8] Đối với tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" của bị cáo Nông Văn T và Bùi Duy P1: Các bị cáo không có sự bàn bạc với nhau từ trước, bị cáo P1 rủ và chở bị cáo T đến nơi hẹn nhận ma túy với bị cáo L, bị cáo T gọi điện cho L để hỏi mua 800.000 đồng ma túy (trong đó có 200.000 đồng của bị cáo P1 đưa và 600.000 đồng của T). T là người đưa tiền cho L và nhận ma túy từ L. Do đó, đánh giá vai trò của hai bị cáo về cơ bản là ngang nhau. Tuy nhiên, xét bị cáo T là người bỏ ra số tiền mua ma tuý nhiều hơn bị cáo P1 nên cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo cho phù hợp.

- *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:*

[9] *Về nhân thân:* Nhân thân các bị cáo Vũ Hữu L, Nông Văn T và Bùi Duy P1 thể hiện tại phần căn cước, lý lịch thể hiện: Bị cáo L có 01 tiền sự chưa được xoá, 01 tiền sự đã xoá và 01 tiền án đã được xoá án tích; bị cáo T có 01 tiền sự chưa được xoá; bị cáo P1 có 02 tiền án đã được xoá. Như vậy, đánh giá các bị cáo đều có nhân thân không tốt.

[10] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[11] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn T và Bùi Duy P1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Hữu L tại phiên tòa còn quanh co, không nhận tội nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo L có bố đẻ tham gia cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nông Văn T và Bùi Duy P1, sau khi bị bắt quả tang ngày 09/4/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã tự nguyện, tích cực hợp tác với cơ quan công an để khai nhận ra hành vi phạm tội Mua bán trái phép chất ma

túy của bị cáo L và khai nhận thêm hành vi phạm tội của bị cáo L vào ngày 05/4/2024. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng có quan điểm đối đáp lại với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T khi người bào chữa đưa ra tình tiết giảm nhẹ trên, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, căn cứ quy định giới hạn của việc xét xử đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định. Do đó, các bị cáo T và P1 đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[12] *Về hình phạt:*

[12.1] Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mục đích của hình phạt, nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội. Xét thấy, cần xử phạt các bị cáo mức án trên khởi điểm của khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng mới có tác dụng giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật, mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đề nghị đối với bị cáo Nông Văn T là có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp hơn mức Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo. Bị cáo Vũ Hữu L phạm 02 tội nên cần căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội. Quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Nông Văn T được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[12.2] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Xét thấy, các bị cáo Bùi Duy P1 và Nông Văn T có công việc thu nhập không ổn định, không có căn cứ xác định bị cáo có tài sản riêng. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Bùi Duy P1 và Nông Văn T như đề nghị của Viện Kiểm sát là có cơ sở. Đối với bị cáo Vũ Hữu L phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, mặc dù bị cáo có mục đích kiếm lời nhưng xét bị cáo không có việc làm, công việc thu nhập không ổn định, không có căn cứ xác định bị cáo có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[13] *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[13.1] Tịch thu tiêu hủy 04 (bốn) bì giấy dán kín trong có toàn bộ mẫu vật ma túy và vỏ bao bì còn lại sau giám định; 01 cân điện tử đựng trong túi da màu đen (không còn giá trị sử dụng và giá trị sử dụng không đáng kể); các mảnh nilon chưa qua sử dụng đựng trong túi nilon mép dán màu trắng vì là vật cấm và liên quan đến hành vi phạm tội.

[13.2] Tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước: 02 bì thư dán kín có dấu niêm phong của Phòng K2 Công an thành phố H bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng của Nông Văn T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng của bị cáo Vũ Hữu L vì liên quan đến hành vi phạm tội.

[13.3] Buộc bị cáo Vũ Hữu L phải nộp lại số tiền 1.200.000 đồng là tiền thu lợi từ việc bán trái phép chất ma túy ngày 05/4/2024 và ngày 09/4/2024 để sung ngân sách nhà nước.

- Về những nội dung khác có liên quan đến vụ án:

[14] Đối với xe mô tô biển kiểm soát 34D1-009.76 hiện chưa xác định được nguồn gốc, chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

[15] Đối với người nữ giới bán ma túy cho L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H có công văn trao đổi với Công an quận L về nguồn tin trên để xử lý theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[16] Ngoài ra, tại phiên tòa, bị cáo Vũ Hữu L có khai về việc khi Cơ quan công an tiến hành khám xét, ngoài các vật chứng như Bản kết luận điều tra và Bản cáo trạng đã nêu thì còn thu giữ của gia đình bị cáo số tiền khoảng hơn 67.000.000 đồng. Bị cáo thừa nhận việc khám xét có mặt của Tổ trưởng tổ dân phố, Công an quận H, Công an phường L, quận K và vợ bị cáo những người này ký vào biên bản khám xét, biên bản thu giữ và niêm phong vật chứng và bị cáo cũng ký vào biên bản, tuy nhiên không thấy thể hiện số tiền này. Hội đồng xét xử đã giải thích làm rõ cho bị cáo về việc trong suốt quá trình điều tra, chưa có lời khai nào của bị cáo thể hiện về việc này cũng như khi có mặt kiểm sát viên tham gia ghi lời khai của bị cáo thì bị cáo cũng chưa nêu ra. Xét tài liệu có trong hồ sơ, các biên bản khám xét, thu giữ và niêm phong vật chứng được thực hiện theo đúng trình tự, quy định của pháp luật, thể hiện không có số tiền trên nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét trong vụ án này. Hội đồng xét xử đã giải thích cho bị cáo được quyền làm đơn đề nghị Cơ quan điều tra, công an quận H làm rõ yêu cầu trên của bị cáo khi bị cáo có yêu cầu để đảm bảo quyền lợi của bị cáo.

[17] *Về án phí*: Các bị cáo L và P1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nông Văn T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí vì là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu xin miễn án phí hình sự.

[18] *Về quyền kháng cáo đối với bản án:* Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Hữu L;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm t, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nông Văn T và Bùi Duy P1.

Tuyên bố:

Bị cáo Vũ Hữu L phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Bị cáo Nông Văn T và Bùi Duy P1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

xử phạt:

- Vũ Hữu L 10 (M) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cả hai tội 12 (Mười hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 10/4/2024.

- Bị cáo Nông Văn T: 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 09/4/2024.

- Bị cáo Bùi Duy P1: 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 09/4/2024.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy: 04 (bốn) bì giấy dán kín trong có toàn bộ mẫu vật ma túy và vỏ bao bì còn lại sau giám định có dấu niêm phong số 436MT/PC09; 436MT-A/PC09; 448MT/PC09 và số 448MT-A/PC09 của Phòng K2 Công an thành phố H; 01 cân điện tử đựng trong túi da màu đen; các mảnh nilon chưa qua sử dụng đựng trong túi nilon mép dán màu trắng.

+ Tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước: 02 bì thư dán kín có dấu niêm phong của Phòng K2 Công an thành phố H bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng của Nông Văn T có số Imei: 357342080646057 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng của bị cáo Vũ Hữu L có số Imei 1: 867511050144557, số Imei 2: 867511050144540.

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao, nhận giữa Công an quận H và Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ngày 04/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng).

- Buộc bị cáo Vũ Hữu L phải nộp lại số tiền 1.200.000 đồng là tiền thu lợi từ việc bán trái phép chất ma túy để sung ngân sách nhà nước.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, buộc các bị cáo Bùi Duy P1 và Vũ Hữu L, mỗi người phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, bị cáo Nông Văn T được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quỳnh Như